

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 1157 /TNB

V/v công bố thông tin điều chỉnh chỉ tiêu
kế hoạch kinh doanh năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 4 tháng 12 năm 2019



Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078.

6. Nội dung của thông tin công bố:

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) công bố thông tin về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của PSW theo Nghị quyết số 1157/NQ-TNB, ngày 04/12/2019 của HĐQT Công ty (đính kèm file)

7. Địa chỉ Website đăng tải công bố thông tin: <http://www.psw.vn>.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P.TCKT, P.KD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, TCHC, PHN



Lê Thanh Tùng

Số: 12 /NQ-TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 04 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019
của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 12/04/2018;

Căn cứ Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT ngày 04/12/2019 của Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác của kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty giữ nguyên theo Nghị quyết số 02/NQ-TNB ngày 22/02/2019 của HĐQT Công ty như đã công bố tại Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11/04/2019. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông Công ty với nội dung điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2019 như trên tại phiên họp gần nhất.

Điều 2. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các các Phòng tổ chức, triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng và Trưởng các phòng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty (để báo cáo);
- Như điều 3 (để th/hiện);
- HĐQT, BKS, BGD (để biết);
- Lưu: VT, HĐQT, PHN.



PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019
CÔNG TY CP PHẦN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-TNB ngày 04/12/2019 của Hội đồng
 Quản trị công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2019 (tại NQ chấp thuận số 02/NQ-TNB)	KH 2019 điều chỉnh
A	B	C	1	2
I	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	305.000	229.544
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	200.000	160.000
2	NPK Phú Mỹ TCT SX	Tấn	30.000	8.000
3	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ do TCT nhập khẩu	Tấn	75.000	30.281
4	Phân bón tự doanh của đơn vị	"		31.264
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.357,57	1.764,43
1	Ure Phú Mỹ	"	1.406,00	1.111,33
2	NPK Phú Mỹ TCT SX	"	295,80	75,98
3	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ do TCT nhập khẩu	"	635,58	251,67
4	Phân bón tự doanh của đơn vị	"	-	307,02
5	Hoạt động tài chính	"	5,00	3,25
6	Dịch vụ và khác	"	15,19	15,19
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.343,51	1.757,11
1	Giá vốn	"	2.287,80	1.706,67
2	Giá vốn từ kinh doanh phân bón	"	2.273,80	1.695,74
3	Chi phí quản lý	"	21,86	19,94
4	Chi phí bán hàng	"	33,85	30,42
5	Chi phí khác/chi phí tài chính	Tỷ đồng		0,09
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,06	7,32
V	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,25	5,86
VI	Các chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng tài sản		340,73	281,19
2	Vốn chủ sở hữu		201,82	199,13
3	Tỷ suất lợi nhuận			
4	Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	8,27%	4,31%
5	Lợi nhuận trước thuế/VCSH	%	6,97%	3,68%
6	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	5,37	4,04
	Thuế TNDN	"	2,81	1,46
	Các loại thuế và phí khác	"	2,56	2,58
7	Trích lập các quỹ		2,25	1,17



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2019 (tại NQ chấp thuận số 02/NQ- TNB)	KH 2019 điều chỉnh
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)		2,25	1,17
8	Tỷ lệ chi cố tức	%	6,00	5,00
9	Lao động và thu nhập			
	Số lao động cuối kỳ	Người	69	65
	Số lao động bình quân	Người	69	65
	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Trđ/ng/th	2.847,30	2.270

Ghi chú: Chi phí bán hàng không bao gồm chi phí ấn vật phẩm và quà tặng nhận từ TCT.

